

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06-4-2018

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lãnh Văn Việt; Ông Trần Đức Vượng.
- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 346/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn D, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Ngõ số 03 đường Thân Cảnh P, khu T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 13/11/2017 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị và anh Lâm Văn D kết hôn với nhau năm 2004, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn T, xã T, huyện L. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 04/2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D nghiện ma túy, không chăm lo đến vợ con. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã T, huyện Y sinh sống, chị và anh D sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Lâm Văn D.

- Về con chung: Chị và anh Lâm Văn D sinh được hai con chung là Lâm Thục A, sinh ngày 26/8/2004 và Lâm Ngọc Hải A, sinh ngày 09/11/2008. Vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con, vợ chồng chị tự thỏa thuận với nhau việc nuôi dưỡng, chăm sóc các con và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T xin chịu cả tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2017, bị đơn anh Lâm Văn D trình bày: Anh và chị Phạm Thị T kết hôn với nhau năm 2004, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 8/2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống hàng ngày có nhiều bất đồng. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn P, xã T, huyện Y sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Lâm Thục A, sinh ngày 26/8/2004 và Lâm Ngọc Hải A, sinh ngày 09/11/2008. Nay ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận việc nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị T và anh Lâm Văn D đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật và công bố lời khai của chị Phạm Thị T, anh Lâm Văn D có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Tòa án từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng xét thấy các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; Điều 35; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xử:

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lâm Văn D.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Do các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị và anh Lâm Văn D được ly hôn. Bị đơn anh Lâm Văn D có địa chỉ cư trú tại khu T, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Phạm Thị T, bị đơn là anh Lâm Văn D đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Lâm Văn D kết hôn ngày 08/01/2004, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu và thỏa thuận, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Như vậy đây là hôn nhân hợp pháp, đúng với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quá trình chung sống của vợ chồng thì thấy: Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh D chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Đến tháng 04/2008 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D nghiện ma túy, không giúp đỡ được gì cho vợ con. Mặc dù được gia đình động viên và giúp đỡ nhiều lần nhưng anh D không cai nghiện được. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ tháng 4/2008 đến nay. Xét thấy, thời gian sống ly thân giữa hai bên đã quá dài (10 năm), mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn và Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thể hòa giải đoàn tụ gia đình. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D, anh D cũng nhất trí ly hôn nên cần cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lâm Văn D theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị T và anh Lâm Văn D đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Lâm Thực A, sinh ngày 26/8/2004 và Lâm Ngọc Hải A, sinh ngày 09/11/2008. Các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung và vấn đề cấp dưỡng, xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, sự

thỏa thuận này phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xét không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề con chung và vấn đề cấp dưỡng.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Lâm Văn D.

2. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0003146 ngày 21 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã T, huyện Y;
- UBND xã T, huyện L;
- Công thông tin điện tử TAND tối cao;
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thái Sơn